

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08-01-2025

"V/v: Tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng, tranh chấp chia tài
sản chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng

Bà Nguyễn Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:
Ông Tông Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2024/TLST - HNGĐ ngày 22/10/2024 về: "Ly hôn" và thụ lý bổ sung số 15A ngày 25/11/2024 về: "Chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâu Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ thường trú: Bản Đề Chia B, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vừ A S, sinh năm 1979

Địa chỉ thường trú: Bản Đ, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vừ A D, sinh năm 1999

Địa chỉ thường trú: Bản Đề Chia B, xã Pú Nhung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện

Biên, có đơn xin xét xử vắng mặt

4. Người phiên dịch cho bà Lâu Thị H1: Anh Vàng A D1

Địa chỉ: Trung tâm văn hóa - Truyền thanh truyền hình huyện Tuần Giáo, tỉnh

Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/10/2024, bản tự khai, nguyên đơn bà Lâu Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vừ A S lấy nhau chung sống theo phong tục tập quán địa phương từ tháng 10 năm 1998. Do nhận thức lạc hậu nên không đăng kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ khi chung sống cùng nhau ông S đã không chịu khó lao động sản xuất giúp đỡ gia đình vợ con mà thường xuyên uống rượu rồi cờ bạc. Mỗi lần uống rượu về còn thường xuyên đánh đập chửi bới, xúc phạm, bóp cổ đuổi bà H ra khỏi nhà, gây thương tích cho bà H, còn dọa giết bà H nhiều lần bà con quanh bản đều biết. Bà H do thiếu hiểu biết đã chịu đựng bấy lâu nay. Bà H đã nhờ bà con trong bản hòa giải nhiều lần theo các biên bản: Ngày 10/12/2008, ngày 01/9/2023 và ngày 02/10/2024, ông S đã nhiều lần xin lỗi cam kết song ông S vẫn chứng nào tật ấy, vẫn không thay đổi khiến bà H phải sống trong đau khổ, bế tắc, không thể cam chịu được nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà H, ông S có 02 con chung: Cháu Vừ Thị M, sinh ngày 03/4/2003 và cháu Vừ A D, sinh ngày 03/3/1999, hiện các cháu đã đủ tuổi thành niên, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Tài sản chung: Bà H và ông S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản riêng: Không có

Về nợ chung: Nợ phải trả: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ lấy về: Không có.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/11/2024 và Thông báo thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện: Bà H bổ sung yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung: Hiện gia đình có 03 chiếc xe máy, 02 chiếc xe máy mang tên con trai là Vừ A D, còn 01 chiếc mang tên ông Vừ A S, quan điểm của bà H là khi ly hôn được chia 01 chiếc xe để sử dụng.

Đối với tài sản trên đất gồm một ngôi nhà ba gian bằng gỗ và công trình phụ có nguồn gốc là của ông Lâu A T (Bố đẻ chị H) cho và bà H, ông S cùng đóng góp xây dựng, quan điểm bà H khi ly hôn yêu cầu được chia theo pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2024, anh S thừa nhận về quan hệ hôn nhân chung sống như vợ chồng với bà H nhưng không có đăng ký kết hôn từ năm 1998. Ông S thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là do ông hay uống rượu về có đe dọa và to tiếng với bà H song ông không nhất trí ly hôn. Về con chung, ông S thừa nhận có 02 con chung như bà H trình bày, các cháu đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông S thừa nhận có một ngôi nhà gỗ ba gian đã cũ nằm trên thổ đất do bố vợ cho mượn từ năm 2001, ngôi nhà nay được hình thành do bố vợ cho 6000.000 đồng, còn 5000.000 đồng do vợ chồng cùng đóng góp xây dựng nên, quan điểm ông, nếu vợ chồng không sống được với nhau thì để lại cho con trai là Vừ A D. Về nợ chung: Ông S thừa nhận có khoản nợ 50.000.000 đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện T và vay Ngân hàng nông nghiệp huyện T số tiền 100.000.000 đồng (vay qua thế chấp) và ông còn thừa nhận còn mượn số đồ của mẹ vợ để thế chấp vay ngân hàng nông nghiệp huyện T vay thêm 50.000.000 đồng, quan điểm ông S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/11/2024, ông S vắng mặt không có lý do, Tòa án lập biên bản về sự vắng mặt của ông S đã tiến hành công khai chứng cứ đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ cho ông S.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 01/12/2024, sau khi nhận được thông báo thụ lý bổ sung, ông S không nhất trí chia chiếc xe máy và ngôi nhà gỗ và các công trình phụ trợ khác lý do do bà H tự bỏ thì ông không chia, việc chia tài sản sẽ ảnh hưởng đến đến cuộc sống sinh hoạt gia đình. Về nhà đất ở chỉ có mảnh duy nhất hiện đang sinh sống, việc vợ chồng ông muốn bỏ nhau đều xuất phát ý muốn bên ngoài.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/12/2024 tại nhà ông S, bà H tại bản đề Chia B, xã P, huyện T: Về quan hệ hôn nhân: Ông S cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn do ông hay uống rượu và đe dọa giết và đánh bà H nhiều lần song ông không nhất trí ly hôn. Về con chung thống nhất như quan điểm bà H về con chung. Về quan hệ tài sản: Ông và bà H thống nhất: Ông S được quyền tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà ba gian bằng gỗ, 01 nhà nhỏ + bếp vừa để ở vừa để sinh hoạt nấu ăn nằm cạnh nhà, 01 chuồng lợn và 01 chuồng bò, 01 bể nước trước 05/01/2025 phải tháo dỡ xong (Nhà, bếp và các công trình phụ trên đất). Về chiếc xe máy, do ông S không nhất trí chia, bà H cũng không yêu cầu chia nữa.

Về công nợ: Nợ phải trả, ông S, bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ lấy về không có

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 20/11/2024 tại bản Đề Chia B, xã P, huyện T có xác nhận của UBND xã P thể hiện việc bà H, ông S chung sống như vợ chồng từ năm 1998 song không có đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn do ông S không tu chí làm ăn hay rượu chè cờ bạc còn thường xuyên đánh đập chửi bới bóp cổ gây thương tích, dọa giết và đuổi bà H ra khỏi nhà. Sự việc đã được bà con thôn bản hòa giải nhiều lần: Ngày 10/12/2008, ngày 01/9/2023 và ngày 02/10/2024, ông S đã nhiều lần xin lỗi, cam kết song ông S vẫn chứng nào tật ấy vẫn không thay đổi.

Ngày 08/01/2025, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

Tại phiên tòa, Bà Lâu Thị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, quan điểm về con chung. Về quan hệ tài sản, bà H xin rút yêu cầu chia chiếc xe máy. Rút yêu cầu chia theo pháp luật một ngôi nhà ba gian bằng gỗ mái lợp bằng Pro xi măng đã cũ, 01 nhà nhỏ + bếp vừa để ở vừa để sinh hoạt nấu ăn nằm cạnh nhà, 01 chuồng lợn và 01 chuồng bò, 01 bể nước (*Nhà và công trình phụ trên đất*) do bà H, ông S và con trai Vừ A D đã thống nhất lại thời gian ông S được quyền và có trách nhiệm dỡ nhà, bếp và các công trình trên đất trả lại mặt bằng cho ông Lâu A T (Bố vợ ông S). Nợ phải trả: Bà H, ông S đều thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ lấy về không có.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt: Ông S giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn. Về yêu cầu chia tài sản: Ông S cam kết có trách nhiệm dỡ toàn bộ nhà, bếp công trình phụ trên đất.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Vừ A D có ý kiến: Không có ý kiến về phần thỏa thuận chia tài sản chung giữa bà H và ông S, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông Lâu A T là bố đẻ bà H cũng không có ý kiến gì về thỏa thuận phân chia tài sản chung, tháo dỡ nhà, bếp và các công trình phụ trên đất giữa bà H và ông S để trả lại mặt bằng cho ông.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật: Về thẩm quyền và trình tự thủ tục, Thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, khoản 2 Điều 244 BLTTDS 2015; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâu Thị H và ông Vừ A S.

Về con chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là yêu cầu chia 01 chiếc xe máy và tài sản trên đất gồm một ngôi nhà ba gian bằng gỗ mái lợp bằng Pro xi măng đã cũ, 01 nhà nhỏ + bếp, 01 chuồng lợn và 01 chuồng bò, 01 bể nước (*Nhà và công trình phụ trên đất*), do nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận được và nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lâu Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của bị đơn, Tòa án xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại Thông báo thụ lý vụ án số 15/TB-TLVA ngày 22/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Ly hôn*”. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án nhận thấy bà H, ông S chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là: “*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về chia tài sản*”.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Nguyên đơn có mặt và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3]. Việc rút yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa bà H xin rút yêu cầu chia tài sản chung, xét đây là sự tự nguyện và đúng quy định của pháp luật, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông S chung sống như vợ chồng từ năm 1998 không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên hôn nhân của bà H và ông S là không hợp pháp. Quá trình giải quyết, Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đang có hiệu lực nên Tòa án sẽ căn cứ các quy định liên quan của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để áp dụng giải quyết.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, kết quả xác minh của Tòa án, nhận thấy cuộc sống hôn nhân của bà Lâu Thị H và ông Vũ A S từ khi bắt đầu đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông S không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu đánh đập, xua đuổi xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà H, bà H đã chịu đựng nhiều năm, đã đến lúc không cam chịu được nữa. Mâu thuẫn tuy đã được bà con và chính quyền giải quyết nhiều lần song ông S không sửa đổi, đời sống hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà H khởi kiện xin ly hôn với ông S là có căn cứ chấp nhận mặc dù ông S không nhất trí. Tuy nhiên bà H và ông S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, có đủ điều kiện kết hôn song không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì không được pháp luật công nhận là vợ, chồng. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâu Thị H và ông Vũ A S.

[4]. Xét yêu cầu về con chung: Bà H và ông S đều công nhận có hai con chung: Cháu Vũ Thị M, sinh ngày 03/4/2003 và cháu Vũ A D, sinh ngày 03/3/1999, hiện các cháu đã đủ tuổi thành niên, bà H và ông S1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX chấp nhận.

[6]. Về quan hệ tài sản: Về tài sản chung: Tại phiên tòa, bà H rút yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe máy, rút yêu cầu chia một ngôi nhà ba gian bằng gỗ mái lợp bằng Pro xi măng đã cũ, 01 nhà nhỏ + bếp vừa để ở vừa để sinh hoạt nấu ăn nằm cạnh nhà, 01 chuồng lợn và 01 chuồng bò, bể nước (*Nhà và công trình phụ trên đất*) do nguyên đơn và bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thống nhất được với nhau, xét đây là sự tự nguyện và đúng quy định của pháp luật, HĐXX căn cứ Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu này.

Về công nợ: Nợ phải trả: Chấp nhận việc các bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ lấy về: Không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Lâu Thị H là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin được miễn án phí, HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lâu Thị H.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16; khoản 2 Điều 53; Luật Hôn nhân gia đình năm 2014:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâu Thị H và ông Vũ A S.

2. Về con chung: Chấp nhận việc Bà H, ông S đều không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Đình chỉ yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung của bà Lâu Thị H gồm yêu cầu chia chiếc xe máy và yêu cầu chia theo pháp luật một ngôi nhà ba gian bằng gỗ mái lợp bằng Pro xi măng đã cũ, 01 nhà nhỏ + bếp vừa để ở vừa để sinh hoạt nấu ăn nằm cạnh nhà, 01 chuồng lợn và 01 chuồng bò, bể nước (*Nhà và công trình phụ trên đất*). Tài sản riêng: Không có

Về nợ chung: Nợ phải trả: Chấp nhận việc các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ lấy về: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lâu Thị H

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lâu Thị H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Vừ A S được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện TG;
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Đình Hà

B

